

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG VÀ HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ VICO

Tên tiếng Anh	VICO TECHNOLOGY GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VICO TECHNOLOGY., JSC
Mã số doanh nghiệp	0102352427
Đăng ký lần đầu	Ngày 24 tháng 08 năm 2007
Vốn điều lệ	8.690.000.000 đồng

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ VICO, mã số doanh nghiệp 0102352427, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 08 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VICO ngày 10 tháng 01 năm 2026;

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung và hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ VICO với các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

1. Điều lệ này quy định về tổ chức, quản trị, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, cơ quan quản lý, người điều hành và các vấn đề nội bộ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ VICO.
2. Trường hợp Điều lệ không quy định hoặc quy định khác với quy định bắt buộc của pháp luật thì áp dụng quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật cho phép Điều lệ quy định khác thì áp dụng Điều lệ này.
3. Các quy chế nội bộ, nghị quyết và quyết định của Công ty phải phù hợp với Điều lệ và pháp luật.

Điều 2. Tên và hình thức pháp lý của Công ty

1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ VICO.
2. Tên tiếng Anh: VICO TECHNOLOGY GROUP JOINT STOCK COMPANY.
3. Tên viết tắt: VICO TECHNOLOGY., JSC.
4. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu, tài khoản, tài sản và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình. Cổ đông chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp.

Điều 3. Trụ sở chính và thông tin liên lạc

1. Trụ sở chính: Số 1, ngõ 176 Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử và các thông tin liên lạc khác do Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức công bố và cập nhật theo quy định.
3. Việc thay đổi trụ sở chính được thực hiện theo nghị quyết hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Công ty và đăng ký theo pháp luật.

Điều 4. Chi nhánh văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh

1. Công ty có quyền thành lập, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở trong nước và nước ngoài.
2. Hội đồng quản trị quyết định các nội dung tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ quy định thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh

1. Công ty kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, trọng tâm gồm: công nghệ thông tin; sản xuất, mua bán và cung cấp phần mềm; xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu; thiết kế hệ thống máy tính; thương mại điện tử; dịch vụ và giải pháp chuyển đổi số; thiết kế website, tên miền và lưu trữ dữ liệu; quảng cáo; tư vấn và chuyển giao công nghệ; mua bán, lắp đặt, sửa chữa thiết bị công nghệ; đại lý, môi giới và các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu phù hợp pháp luật.
2. Công ty chỉ kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng và duy trì đầy đủ điều kiện theo quy định.
3. Danh mục ngành, nghề chi tiết theo thông tin đăng ký doanh nghiệp tại từng thời điểm là bộ phận được dẫn chiếu áp dụng cùng Điều lệ này.

Điều 6. Thời hạn hoạt động và nguyên tắc hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định, kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2007, trừ khi chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo pháp luật.
2. Công ty tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, khách hàng và đối tác.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật và con dấu

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật tại thời điểm thông qua Điều lệ này là bà ĐẶNG NGỌC ANH, quốc tịch Việt Nam.
2. Người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền, nghĩa vụ theo pháp luật và Điều lệ; chịu trách nhiệm trung thực, cẩn trọng, trung thành và trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ.
3. Khi xuất cảnh hoặc vắng mặt tại Việt Nam, người đại diện theo pháp luật thực hiện ủy quyền bằng văn bản theo quy định; vẫn chịu trách nhiệm về phần việc đã ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
4. Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu. Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần

1. Vốn điều lệ: 8.690.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng).
2. Tổng số cổ phần đã bán: 869.000 cổ phần phổ thông.
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. Tổng mệnh giá cổ phần đã bán bằng vốn điều lệ.
4. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty chưa phát hành cổ phần ưu đãi. Việc tạo thêm loại cổ phần, quyền và nghĩa vụ gắn với loại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo pháp luật.

Điều 9. Lịch sử cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông hiện hữu

1. Cổ đông sáng lập theo hồ sơ thành lập năm 2007 gồm:

ST T	Cổ đông sáng lập	Số cổ phần đăng ký ban đầu	Giá trị ban đầu	Tỷ lệ ban đầu
1	Đặng Ngọc Anh	12.000	120.000.000 đồng	40%
2	Nguyễn Văn Chuyển	12.000	120.000.000 đồng	40%
3	Nguyễn Xuân Phòng	6.000	60.000.000 đồng	20%
	Tổng cộng	30.000	300.000.000 đồng	100%

Thông tin trên phản ánh tư cách lịch sử tại thời điểm thành lập và không được hiểu là cơ cấu sở hữu hiện tại. Việc một cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng cổ phần không làm phát sinh tư cách cổ đông sáng lập cho người nhận chuyển nhượng.

2. Cơ cấu cổ đông hiện hữu theo tài liệu Công ty cung cấp tại thời điểm hợp nhất Điều lệ:

ST T	Cổ đông hiện hữu	Số cổ phần phổ thông	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Ngọc Anh	738.650	7.386.500.000 đồng	85%
2	Đặng Đức Thắng	43.450	434.500.000 đồng	5%
3	Trần Anh Quang	86.900	869.000.000 đồng	10%
	Tổng cộng	869.000	8.690.000.000 đồng	100%

3. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty là căn cứ xác định tư cách cổ đông, số cổ phần và tỷ lệ sở hữu tại từng thời điểm. Bảng tại khoản 2 được cập nhật theo Sổ đăng ký cổ đông mà không làm thay đổi tư cách lịch sử của cổ đông sáng lập.

Điều 10. Tăng giảm và điều chỉnh vốn điều lệ

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại theo pháp luật.
2. Vốn điều lệ có thể tăng thông qua chào bán cổ phần hoặc phương thức hợp pháp khác; có thể giảm trong các trường hợp và theo điều kiện luật định.
3. Công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ đúng thời hạn; không kê khai không vốn, không ghi nhận cổ phần chưa được thanh toán hợp lệ là cổ phần đã bán.

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Công ty phải có cổ phần phổ thông và có thể có cổ phần ưu đãi biểu quyết, ưu đãi cổ tức, ưu đãi hoàn lại hoặc loại ưu đãi khác theo pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Mỗi cổ phần cùng loại tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần phổ thông không chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi; cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn theo quy định pháp luật; cổ phần tương ứng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, nếu có.

Điều 12. Chào bán và thanh toán cổ phần

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán; Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá bán trong phạm vi được giao, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Cổ đông hiện hữu được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp pháp luật.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và thông tin người mua được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Việc thanh toán phải bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác có thể định giá bằng đồng Việt Nam.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ hạn chế theo luật hoặc Điều lệ. Hạn chế theo Điều lệ chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch hợp pháp khác. Bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông kể từ khi thông tin được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.
3. Cổ đông và bên nhận chuyển nhượng tự chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính liên quan.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông và xác nhận sở hữu cổ phần

1. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông bằng văn bản giấy, dữ liệu điện tử hoặc cả hai ngay từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo luật và được lưu tại trụ sở chính hoặc tổ chức có chức năng lưu giữ. Cổ đông có quyền tra cứu, trích lục thông tin của mình và thông tin theo phạm vi luật định.
3. Công ty cấp cổ phiếu hoặc xác nhận sở hữu cổ phần theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp mất, hư hỏng hoặc tiêu hủy, cổ đông được cấp lại theo thủ tục luật định.

Điều 15. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
2. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; ưu tiên mua cổ phần mới; tự do chuyển nhượng cổ phần; xem xét và trích lục thông tin theo luật; nhận phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ sở hữu khi Công ty giải thể hoặc phá sản.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, bao gồm xem xét tài liệu quản trị, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp luật định và yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra nếu Công ty có Ban kiểm soát.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ thấp hơn.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; không rút vốn đã góp dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
2. Tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
3. Bảo mật thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; không phát tán hoặc sao chép trái phép.
4. Thực hiện nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.
2. Yêu cầu phải bằng văn bản, gửi trong thời hạn luật định. Giá mua lại là giá thị trường hoặc giá được xác định theo nguyên tắc trong Điều lệ; nếu không thỏa thuận được thì các bên lựa chọn tổ chức thẩm định giá.
3. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán và một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo pháp luật.
2. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong 12 tháng; trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Cổ phần mua lại được coi là cổ phần chưa bán; Công ty thực hiện giảm vốn điều lệ tương ứng trong thời hạn luật định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 19. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định trên cơ sở lợi nhuận ròng đã thực hiện, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, bù đắp lỗ, trích lập quỹ và bảo đảm thanh toán đủ nợ đến hạn.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức hằng năm; Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận, xác định mức, thời hạn và hình thức trả.
3. Cổ tức có thể trả bằng tiền, cổ phần hoặc tài sản khác theo nghị quyết và pháp luật.

Điều 20. Chủ sở hữu hưởng lợi và minh bạch sở hữu

1. Công ty xác định, kê khai, thông báo và lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo pháp luật về doanh nghiệp và phòng, chống rửa tiền.
2. Cổ đông, người quản lý và người có liên quan có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ và kịp thời thông tin cần thiết để Công ty thực hiện nghĩa vụ tại khoản 1.
3. Công ty thông báo thay đổi thông tin thuộc diện phải kê khai trong thời hạn luật định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc.
2. Công ty không bắt buộc có Ban kiểm soát khi có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần. Khi không còn đáp ứng điều kiện này hoặc khi Đại hội đồng cổ đông quyết định, Công ty thành lập Ban kiểm soát và sửa đổi Điều lệ theo pháp luật.
3. Các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định theo nhu cầu hoạt động.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông quyết định định hướng phát triển; loại cổ phần và tổng số cổ phần; mức cổ tức; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; đầu tư hoặc bán tài sản từ 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất; sửa đổi Điều lệ; tổ chức lại, giải thể; phê duyệt báo cáo tài chính và các vấn đề khác theo luật.
- Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền cho cơ quan khác quyết định vấn đề thuộc thẩm quyền bắt buộc của mình.

Điều 23. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hội đồng quản trị có thể gia hạn nhưng không quá sáu tháng nếu cần thiết.
- Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc yêu cầu hợp lệ của chủ thể có quyền theo luật.
- Cuộc họp có thể tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp nếu bảo đảm xác định tư cách người dự, quyền phát biểu, biểu quyết, lưu vết và an toàn thông tin.

Điều 24. Triệu tập và chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập lập danh sách cổ đông có quyền dự họp dựa trên Sổ đăng ký cổ đông; chuẩn bị chương trình, tài liệu, dự thảo nghị quyết và gửi thông báo mời họp theo luật.
- Thông báo mời họp được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc, nếu pháp luật không quy định thời hạn khác; có thể gửi bằng thư, thư điện tử hoặc phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện có quyền kiến nghị nội dung chương trình họp theo thủ tục luật định.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp lần thứ nhất được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Nếu lần thứ nhất không đủ điều kiện, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong 30 ngày và tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Nếu lần thứ hai không đủ điều kiện, cuộc họp lần thứ ba được triệu tập trong 20 ngày và được tiến hành không phụ thuộc tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Thời hạn nêu trên có thể được điều chỉnh theo quy định pháp luật tại thời điểm triệu tập.

Điều 26. Thủ thức tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp

- Đại hội bầu Chủ tọa và Thư ký theo pháp luật; Chủ tọa điều hành cuộc họp công bằng, đúng chương trình, bảo đảm quyền của cổ đông.

2. Cổ đông có thể trực tiếp dự họp, ủy quyền, tham dự và biểu quyết trực tuyến, gửi phiếu qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác được chấp thuận.
3. Việc biểu quyết có thể bằng giờ thẻ, phiếu kín, điện tử hoặc phương thức khác do Đại hội quyết định. Kết quả phải xác định rõ tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 27. Điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; dự án đầu tư hoặc bán tài sản từ 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất; tổ chức lại, giải thể và vấn đề khác do luật quy định được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.
2. Nghị quyết về vấn đề khác được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định phương thức khác phù hợp pháp luật.
4. Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp pháp luật quy định tỷ lệ khác.

Điều 28. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông qua tại cuộc họp.
2. Phiếu lấy ý kiến, tài liệu kèm theo, thời hạn gửi lại, kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả thực hiện theo pháp luật.
3. Phiếu điện tử được xác thực hợp lệ có giá trị như phiếu giấy.

Điều 29. Biên bản và hiệu lực nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp phải được lập biên bản bằng tiếng Việt, có thể kèm bản ghi âm, ghi hình hoặc dữ liệu điện tử và được lưu giữ tại trụ sở chính.
2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày được thông qua hoặc ngày khác ghi trong nghị quyết. Nghị quyết được thông báo cho cổ đông trong thời hạn 15 ngày hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử theo pháp luật.
3. Nghị quyết được thông qua đúng trình tự ràng buộc Công ty và cổ đông, kể cả cổ đông không dự họp hoặc biểu quyết không tán thành.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn luật định, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy nghị quyết nếu trình tự, thủ tục triệu tập, ra quyết định vi phạm nghiêm trọng pháp luật hoặc Điều lệ, hoặc nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ.

2. Nghị quyết vẫn có hiệu lực cho đến khi bị hủy, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 31. Hội đồng quản trị và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, nhân danh Công ty quyết định và thực hiện quyền, nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ thành viên độc lập theo luật.
3. Thành viên phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo Luật Doanh nghiệp; cơ cấu thành viên độc lập được thực hiện khi Công ty áp dụng mô hình quản trị yêu cầu thành viên độc lập.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm; kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần; quyết định bán cổ phần chưa bán, huy động vốn theo thẩm quyền.
2. Quyết định phương án đầu tư; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ; thành lập đơn vị phụ thuộc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng.
3. Phê duyệt hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên hoặc ngưỡng thấp hơn do Đại hội đồng cổ đông quy định, trừ giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
4. Giám sát Tổng Giám đốc; trình báo cáo tài chính; kiến nghị cổ tức, tổ chức lại, giải thể; triệu tập Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo luật.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch trong số các thành viên. Chủ tịch có thể kiêm nhiệm chức danh khác nếu pháp luật không cấm.
2. Chủ tịch lập chương trình, kế hoạch hoạt động; chuẩn bị, triệu tập và chủ trì họp; tổ chức thông qua nghị quyết; giám sát thực hiện nghị quyết; chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền khác theo luật.
3. Khi Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác; nếu không có ủy quyền, các thành viên bầu người tạm thời thực hiện nhiệm vụ.

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp ít nhất mỗi quý một lần và trong các trường hợp luật định. Thông báo mời họp được gửi chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ tình huống khẩn cấp theo quy chế.

2. Cuộc họp được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Nếu không đủ, cuộc họp lần hai được triệu tập trong 07 ngày và tiến hành khi có hơn một nửa số thành viên dự họp.
3. Nghị quyết được thông qua nếu đa số thành viên dự họp tán thành; nếu số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tịch.
4. Thành viên có thể tham dự, biểu quyết trực tuyến hoặc gửi phiếu theo phương thức bảo đảm xác thực.

Điều 35. Biên bản và nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Mọi cuộc họp phải được lập biên bản, ghi đầy đủ nội dung luật định và có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản hoặc người chịu trách nhiệm theo luật.
2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày thông qua hoặc ngày khác ghi trong nghị quyết; thành viên biểu quyết tán thành cùng chịu trách nhiệm về nghị quyết trái pháp luật, trừ trường hợp được miễn trách nhiệm theo luật.
3. Biên bản, nghị quyết và tài liệu họp được lưu giữ tối thiểu theo thời hạn luật định.

Điều 36. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.
2. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày; tổ chức thực hiện nghị quyết; thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư; kiến nghị cơ cấu tổ chức; tuyển dụng lao động; quyết định lương và lợi ích của người lao động không thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc được nhân danh Công ty ký hợp đồng, giao dịch và hồ sơ trong phạm vi điều hành, ngân sách, kế hoạch đã được phê duyệt hoặc theo nghị quyết, quyết định và văn bản ủy quyền hợp lệ. Giao dịch thuộc thẩm quyền bắt buộc của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chỉ được ký sau khi được chấp thuận đúng thẩm quyền.
4. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 37. Phân cấp ủy quyền và ký kết giao dịch

1. Người đại diện theo pháp luật có quyền đại diện Công ty trong giao dịch theo pháp luật và Điều lệ, đồng thời có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc người khác bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị ban hành quy chế phân cấp tài chính, đầu tư, mua sắm, ký kết hợp đồng và quản lý con dấu, bảo đảm không làm thay đổi thẩm quyền bắt buộc theo luật.
3. Văn bản ủy quyền phải xác định người ủy quyền, người được ủy quyền, phạm vi, thời hạn, quyền ký, trách nhiệm và cơ chế báo cáo. Người được ủy quyền ký với tư cách đại diện theo ủy quyền của Công ty.

4. Việc ủy quyền không loại trừ trách nhiệm giám sát và trách nhiệm của người ủy quyền theo pháp luật.

Điều 38. Tiêu chuẩn và nghĩa vụ của người quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo luật; thực hiện quyền trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty.
2. Người quản lý phải trung thành, không lạm dụng địa vị, thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh hoặc tài sản của Công ty để tư lợi; kịp thời thông báo lợi ích liên quan.
3. Người vi phạm phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới, hoàn trả lợi ích, bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm khác theo pháp luật.

Điều 39. Tiền lương thù lao thưởng và lợi ích khác

1. Công ty trả thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phạm vi công việc.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và điều kiện hợp đồng của Tổng Giám đốc và người quản lý do mình bổ nhiệm.
3. Các khoản chi được hạch toán, công khai trong báo cáo tài chính và trình Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật.

Điều 40. Hợp đồng giao dịch với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người quản lý, người đại diện, người có liên quan và các đối tượng luật định phải được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo đúng ngưỡng thẩm quyền.
2. Người có lợi ích liên quan không được biểu quyết về giao dịch đó. Việc công bố lợi ích, gửi dự thảo hợp đồng, ghi biên bản và lưu hồ sơ phải tuân thủ pháp luật.
3. Hợp đồng, giao dịch ký không đúng thẩm quyền hoặc thủ tục có thể bị vô hiệu; người liên quan phải hoàn trả lợi ích và bồi thường thiệt hại.

Điều 41. Công khai lợi ích liên quan và lưu giữ hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác kê khai các lợi ích liên quan theo luật và cập nhật khi có thay đổi.
2. Công ty lưu giữ Điều lệ, sổ đăng ký cổ đông, nghị quyết, biên bản, báo cáo, sổ kế toán, hồ sơ sở hữu hưởng lợi và tài liệu khác tại trụ sở chính hoặc địa điểm hợp pháp.
3. Việc cung cấp, khai thác và bảo mật hồ sơ tuân thủ quyền tiếp cận của cổ đông, pháp luật về dữ liệu cá nhân, kế toán, thuế và bí mật kinh doanh.

CHƯƠNG IV TÀI CHÍNH KẾ TOÁN LAO ĐỘNG VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 42. Năm tài chính và chế độ kế toán

1. Năm tài chính bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm, trừ trường hợp pháp luật cho phép và Công ty đăng ký khác.
2. Công ty áp dụng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, thuế và thống kê của Việt Nam; lập, ký, lưu trữ và nộp báo cáo đúng thời hạn.
3. Đơn vị tiền tệ kế toán là đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật cho phép sử dụng đơn vị tiền tệ khác.

Điều 43. Tài khoản ngân hàng và quản lý tài chính

1. Công ty mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng được phép hoạt động.
2. Mọi khoản thu, chi, đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh và nghĩa vụ tài chính phải đúng thẩm quyền, có chứng từ hợp pháp và được phản ánh đầy đủ trong sổ sách.
3. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tài chính, hạn mức phê duyệt và kiểm soát thanh toán phù hợp Điều lệ.

Điều 44. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ

1. Lợi nhuận sau thuế được sử dụng để bù đắp lỗ, trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và trả cổ tức khi đủ điều kiện.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại quỹ, mức trích lập, mục đích và nguyên tắc sử dụng; Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện.
3. Lỗ được xử lý từ lợi nhuận các năm tiếp theo, quỹ hợp pháp hoặc nguồn khác theo nghị quyết và pháp luật.

Điều 45. Báo cáo tài chính và kiểm toán

1. Công ty lập báo cáo tài chính năm và báo cáo khác theo quy định; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán khi pháp luật yêu cầu hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Báo cáo và tài liệu tài chính phải phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và luồng tiền của Công ty.

Điều 46. Lao động và trách nhiệm xã hội

1. Công ty tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và chấm dứt quan hệ lao động theo pháp luật; bảo đảm tiền lương, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động và quyền lợi hợp pháp của người lao động.
2. Công ty khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, bảo vệ dữ liệu và thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Điều 47. Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

1. Hội đồng quản trị tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ, an toàn thông tin và phòng, chống xung đột lợi ích phù hợp quy mô Công ty.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm vận hành hệ thống; định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị về tài chính, hợp đồng, công nợ, rủi ro trọng yếu và việc thực hiện nghị quyết.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC LẠI GIẢI THỂ TRANH CHẤP VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Tổ chức lại Công ty

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình và tổ chức lại khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo luật.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án, bảo đảm quyền của cổ đông, chủ nợ, người lao động và thực hiện thủ tục đăng ký.

Điều 49. Giải thể và thanh lý tài sản

1. Công ty giải thể theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc trường hợp luật định và chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết nợ, nghĩa vụ tài sản, không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết giải thể; Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản, trừ khi nghị quyết thành lập tổ chức thanh lý riêng.
3. Tài sản còn lại sau khi thanh toán chi phí giải thể, quyền lợi người lao động, thuê và các khoản nợ được chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu và quyền của từng loại cổ phần.

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp giữa Công ty với cổ đông, giữa các cổ đông hoặc giữa cơ quan quản lý trước hết được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải trên cơ sở lợi ích hợp pháp của Công ty.
2. Nếu không giải quyết được trong 30 ngày kể từ ngày một bên thông báo tranh chấp, bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài nếu có thỏa thuận trọng tài hợp lệ.
3. Trong thời gian tranh chấp, các bên tiếp tục thực hiện nghĩa vụ không bị tranh chấp và không được cản trở trái pháp luật hoạt động bình thường của Công ty.

Điều 51. Sửa đổi bổ sung Điều lệ

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ. Hội đồng quản trị hoặc chủ thể có quyền kiến nghị chuẩn bị dự thảo và trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Nội dung sửa đổi được thông qua theo tỷ lệ biểu quyết tương ứng với vấn đề được quyết định và có hiệu lực theo nghị quyết.

3. Người đại diện theo pháp luật ký bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung. Hội đồng quản trị có thể được giao thực hiện chỉnh sửa kỹ thuật, đánh số, dẫn chiếu mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ gồm 05 Chương, 52 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10 tháng 01 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
2. Điều lệ này thay thế các bản Điều lệ trước đây và các nội dung sửa đổi, bổ sung rời đã ban hành. Quyền, nghĩa vụ và giao dịch phát sinh hợp pháp trước ngày Điều lệ có hiệu lực vẫn được tôn trọng.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, cổ đông và người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ.
4. Điều lệ được lập thành các bản có giá trị như nhau, lưu tại trụ sở chính và cung cấp cho cổ đông theo pháp luật.

**ĐẠI DIỆN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐẶNG NGỌC ANH

ĐẶNG NGỌC ANH